

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2021/DS-PT
Ngày: 01/12/2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều;
Ông Trần Hữu Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Chị Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 221/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Đ:

2.1. Anh Nguyễn Thế H, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy lập ngày 06/4/2021).

2.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 381 ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy lập ngày 26/11/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty tài chính TNHH MTV H (vắng mặt).

Địa chỉ: 20 N, phường T, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Công ty tài chính TNHH MTV N (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 09 Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người làm chứng:

4.1. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.2. Chị Đinh Thị Mỹ H, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.3. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Bị đơn chị **Nguyễn Thị Đ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Đ là chủ hội nhiều dây hội, chị có tham gia hội của chị Nguyễn Thị Đ làm chủ như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2019 âm lịch, tháng khai 02 lần, khai vào ngày 25 ÂL và 10 âm lịch hàng tháng (tháng 9/2020 hội mãn) gồm 35 phần, nhưng đến tháng 8/2020 chị Đ tuyên bố hội bế, chị tham gia 02 phần, chị đóng đến kỳ thứ 19 chị hót một phần số tiền 28.860.000 đồng chị Đ đã giao đủ cho chị, sau khi chị hót xong thì chị đóng hội chết đến mãn (tháng 9/2020 âm lịch). Còn phần hội sống đóng đến mãn (tháng 9/2020 âm lịch) mỗi kỳ đóng 880.000 đồng số tiền 29.920.000 đồng ($880.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ kỳ} = 29.920.000 \text{ đồng}$).

- Dây hội gồm có các hội viên cùng tham gia như sau: Nguyễn Thị O sinh năm 1974, ngụ tổ 6, ấp B, xã T, thành phố M; Nguyễn Thị N (vợ N) sinh năm 1987 ngụ tổ 11 ấp B xã T, thành phố M; Đinh Thị Mỹ H (vợ S) sinh năm 1982 ngụ tổ 11 ấp B, xã T, thành phố M, Tiền Giang.

Trong dây hội ngày 25/5/2019 thì chị có mua 01 phần hội của chị Đ số tiền 23.980.000 đồng chị giao tiền trực tiếp cho chị Đ (không làm biên nhận) nhưng chị Đ có tổng kết nợ trong biên nhận nợ vay tiền.

- Ngày 26/02/2020, chị Đ có nhờ chị vay dùm của Công ty tài chính TNHH một thành viên H số tiền 70.000.000 đồng, phân kỳ trả nợ 36 kỳ (tháng) mỗi kỳ 3.297.000 đồng, lãi suất 26,36%/năm. Khi vay tiền về chị giao tiền trực tiếp cho chị Đ nhưng không làm biên nhận. Chị thanh toán cho Công ty được 11 kỳ số tiền 36.267.000 đồng và chị Đ đã thanh toán được 04 kỳ số tiền 13.188.000 đồng. Nay

chị còn nợ Công ty số tiền 85.722.000 đồng nhưng chị Đ còn nợ chị 34 kỳ với số tiền 105.504.000 đồng ($3.297.000 \text{ đồng} \times 34 \text{ kỳ} = 105.804.000 \text{ đồng}$).

- Ngày 03/8/2020 chị Đ có nhờ chị vay dùm của Công ty tài chính một thành viên N số tiền 66.000.000 đồng, hình thức phân kỳ trả nợ 36 kỳ (tháng) mỗi kỳ 3.150.000 đồng, lãi suất 2,95%/tháng. Khi vay tiền về chị giao tiền trực tiếp cho chị Đ nhưng không làm biên nhận. Chị đã thanh toán được 06 kỳ số tiền 18.972.000 đồng và chị Đ chưa thanh toán kỳ nào. Nay chị Đ còn nợ chị 36 kỳ với số tiền 113.400.000 đồng ($3.150.000 \text{ đồng} \times 36 \text{ kỳ} = 113.400.000 \text{ đồng}$).

Sau khi tổng kết số tiền hui, nợ vay chị Đ viết biên nhận và ký tên nợ cho chị số tiền 272.804.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị Đ trả cho chị số tiền 272.804.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty tài chính TNHH một thành viên H; Công ty tài chính TNHH MTV N vắng mặt không lý do tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét.*

**Người làm chứng: chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị O, chị Đinh Thị Mỹ H trình bày:*

Các chị có tham gia chơi hui chung với chị Nguyễn Thị Kim P đây hui 1.000.000 đồng khui ngày 25/5/2019 âm lịch, tháng khui 02 lần vào ngày 10 và 25 hàng tháng, gồm 35 phần chị P (3 P) tham gia 02 phần nhưng chị P đã hốt một phần, còn một phần sống và mua 01 phần.

** Bản án sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471; Điều 357; Điều 463; Điều 464; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P.

Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền hui 53.900.000 đồng và tiền vay 218.904.000 đồng, tổng cộng 272.804.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thi hành, hàng tháng bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Kim P. Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 15/4/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả chị P khoản tiền nợ vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T - Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Đ có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T cho rằng, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ không nhờ chị P vay tiền của Công ty tài chính TNHH MTV H và Công ty tài chính TNHH MTV N như bản án sơ thẩm đã xác định, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay 218.904.000 đồng.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Xét bản án sơ thẩm đã xử buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P 53.900.000 đồng tiền nợ hui và 218.904.000 đồng tiền nợ vay là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chị Đ kháng cáo không chấp nhận trả cho chị P khoản nợ vay nhưng không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Xét tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/3/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt. Đến ngày 02/4/2021, Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt bản án cho bị đơn (BL: 128), nên đơn kháng cáo của bị đơn đề ngày 15/4/2021 là hợp lệ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH MTV H và Công ty tài chính TNHH MTV N đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nên căn cứ Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn Nguyễn Thị Kim P, chị có tham gia 02 phần và mua 01 phần hui 1.000.000 đồng mở ngày 25/5/2019 ÁL do bị đơn chị Nguyễn Thị Đ làm chủ đầu thảo và chị Đ còn nợ chị số tiền hui là

53.900.000 đồng. Ngoài ra, ngày 20/02/2020 và 03/8/2020, chị có vay tiền dùm cho chị Đ tại Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên H và Công ty tài chính TNHH MTV N với tổng số tiền 136.000.000 đồng theo hình thức trả nợ phân kỳ là 36 tháng. Sau khi vỡ nợ, chị Đ viết biên nhận nợ của chị 67.000.000 đồng tiền hui; 32 kỳ tiền vay x 3.297.000 đồng/kỳ và 36 kỳ tiền vay x 3.150.000 đồng/kỳ.

Xét tài liệu chị P cung cấp cho rằng là biên nhận nợ do chị Đ viết và ký tên có thể hiện nội dung: Phần nợ hui 67.000.000 đồng; Phần nợ vay 32 kỳ x 3.297.000 đồng và 36 kỳ x 3.150.000 đồng (BL: 60). Do đó, bản án sơ thẩm đã xử buộc chị Đ có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền nợ hui, nợ vay tổng cộng 272.804.000 đồng là có căn cứ.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án dân sự sơ thẩm nhưng không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tài liệu do nguyên đơn cung cấp là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, nên ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị Đ không được chấp nhận như đã nhận định, nên bà Đẹp phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2021/DS-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 244, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 282, 463, 466, 471 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P.

- Buộc chị Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim P số tiền nợ hui 53.900.000 đồng và 218.904.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 272.804.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm linh bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim P về yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 13.640.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 13.940.200 đồng. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0005663 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, nên chị Đ phải nộp tiếp số tiền 13.640.200 đồng án phí.

- Chị Nguyễn Thị Kim P không phải chịu án phí dân sự. Hoàn lại cho chị P7.194.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002156 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn